

Bản án số: 143/2019/HS-ST

Ngày 28-11-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THANH KHÊ - TP. ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Ngọc Hà

Các hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thúy Nguyệt

Bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hoàng Yên Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, TP Đà Nẵng.

- Đại diện Viện Kiểm Sát nhân dân quận Thanh Khê, TP Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Bách - Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, TP Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 150/2019/TLST-HS ngày 15 tháng 11 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 150/2019/QĐXXST-HS ngày 18 tháng 11 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. T, tên gọi khác: Không; Giới tính: Nữ.

Sinh năm 1990 tại thành phố Đà Nẵng.

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: Tổ 50, phường Đ, quận T, thành phố Đà Nẵng.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không.

Trình độ văn hóa: 8/12.

Nghề nghiệp: Không.

Con ông: V (sinh năm: 1969) và bà T1 (sinh năm 1974). Gia đình có 3 chị em, bị cáo là con thứ nhất trong gia đình. Bị cáo có chưa có chồng; có 4 con, con lớn nhất sinh năm 2008, con nhỏ nhất sinh năm 2019.

Tiền án, tiền sự: Chưa.

Bị cáo hiện đang tại ngoại. Có mặt tại phiên tòa.

2. D, tên gọi khác: K; Giới tính: Nam.

Sinh năm 1992 tại thành phố Đà Nẵng.

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: Tổ 39, phường B, quận C, thành phố Đà Nẵng.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không.

Trình độ văn hóa: 09/12.

Nghề nghiệp: Nhân viên bán hàng.

Con ông: D1 (sinh năm: 1960) và bà K (sinh năm 1964). Gia đình có 2 anh em, bị cáo là con thứ nhất trong gia đình.

Tiền án, tiền sự: chưa.

Nhân thân: Ngày 30/11/2011, bị Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng xử phạt 02 năm tù về tội “Cướp giật tài sản”.

Bị cáo hiện đang tại ngoại. Có mặt tại phiên tòa.

* *Người bị hại*: Chị D2, sinh năm 1979; địa chỉ: Tổ 3, phường Đ, quận K, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

T và D có mối quan hệ yêu đương, chung sống với nhau như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn. Vào khoảng 09 giờ ngày 28/6/2019, T và D đi bộ từ Trung tâm K qua trước số nhà K62/15 đường T, phường Đ, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng phát hiện có 01 chiếc ví da màu nâu của chị D2 đang để trên giá chờ hàng phía trước yên xe mô tô hiệu Airblade BKS 43D1-788.50. Quan sát thấy không có ai trông coi nên T và D nảy sinh ý định trộm cắp để lấy tiền tiêu xài cá nhân. T tiến lại gần chiếc xe rồi lấy chiếc ví rồi kẹp vào nách, còn D đi phía sau che chắn cho T, tiếp tục T và D bắt xe ôm đến một quán cà phê trên đường K, quận C, thành phố Đà Nẵng để uống cà phê, tại đây T mở ví ra kiểm tra bên trong thấy có 1 số giấy tờ tùy thân và số tiền 5.700.000 đồng. Có tiền T và D bắt xe ôm đến một quán Internet trên đường B, quận K, thành phố Đà Nẵng để chơi. Sau đó, T và D đến đường L, phường A, quận L, thành phố Đà Nẵng mua lại 01 chiếc xe mô tô biển số: 92N5-2408 của một người đàn ông (không rõ lai lịch) với giá 1.900.000 đồng. Mua xong xe, D dùng xe mô tô vừa mua được chở T về lại Trung tâm K để lấy đồ đạc cá nhân thì T bị người dân phát hiện tri hô giữ lại còn D chạy thoát. Đến ngày 12/7/2019, D tự nguyện đến cơ quan Công an khai nhận toàn bộ hành vi như đã nêu trên.

Theo Biên bản xác định giá trị tài sản tố tụng hình sự ngày 05/7/2019 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự quận Thanh Khê đã xác định giá trị của 01 (một) chiếc ví màu nâu có in dòng chữ baellerry có giá trị 50.000 đồng. Tổng giá trị tài sản mà T và D đã trộm cắp là 5.750.000đ (*năm triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng*).

Vật chứng tạm giữ:

- 01 xe mô tô BKS 92N5-2408, số máy VPJL1P53FMH -016503;
- 01 ví da màu nâu kích thước 10x20cm bên trong có 01 giấy phép lái xe hạng A1 đứng tên H, 01 thẻ BHYT đứng tên D2, 01 thẻ BHYT đứng tên T2;
- 01 điện thoại di động có vỏ nhựa màu đen loại bàn phím số có Imei 863304323074882 (bị hỏng màn hình);
- Tiền Việt Nam đồng: 3.740.000 đồng.

Xử lý vật chứng: Ngày 11 tháng 7 năm 2019, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng trả lại 01 ví da màu nâu kích thước 10x20cm bên trong có 01 giấy phép lái xe hạng A1 đứng tên H, 01 thẻ BHYT đứng tên D2, 01 thẻ BHYT đứng tên T2 và số tiền 3.740.000 đồng cho chị D2;

Đối với xe mô tô BKS 92N5-2408, số máy VPJL1P53FMH -016503 chưa xác định được chủ sở hữu (hiện đang được bảo quản tại kho vật chứng Công an quận Thanh Khê).

Đối với 01 điện thoại di động có vỏ nhựa màu đen loại bàn phím số có số Imei 863304323074882 (bị hỏng màn hình) hiện đang được bảo quản tại kho vật chứng thuộc Chi cục thi hành án dân sự quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

Trách nhiệm dân sự: Chị D2 yêu cầu bồi thường dân sự số tiền 2.000.000 đồng.

Quá trình điều tra, T và D khai nhận hành vi phạm tội như đã nêu trên.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên thực hành quyền công tố nhà nước giữ nguyên quan điểm đã truy tố, đề nghị HĐXX căn cứ vào tính chất vụ án, nhân thân, mức độ do hành vi phạm tội của bị cáo đã gây ra và đề nghị HĐXX tuyên bố bị cáo T và D phạm tội “Trộm cắp tài sản”;

Áp dụng: Khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự; điểm i, n, s khoản 1 Điều 51, Điều 65 Bộ luật hình sự để xử phạt bị cáo T mức án từ 09 đến 12 tháng nhưng cho hưởng án treo.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự để xử phạt bị cáo D mức án từ 06 đến 09 tháng tù.

Về xử lý vật chứng:

- Đối với xe mô tô BKS 92N5-2408, số máy VPJL1P53FMH -016503 chưa xác định được chủ sở hữu (hiện đang được bảo quản tại kho vật chứng Công an quận Thanh Khê) cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Thanh Khê tiếp tục điều tra làm rõ.

- Đối với 01 điện thoại di động có vỏ nhựa màu đen loại bàn phím số có Imei 863304323074882 (bị hỏng màn hình) của T không liên quan đến việc phạm tội nên cần trả lại cho bị cáo nhưng cần tiếp tục quy trữ để đảm bảo thi hành án.

Trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa, tuy vắng mặt nhưng người bị hại có đơn xin xét xử vắng mặt và không yêu cầu T, D bồi thường số tiền 2.000.000 đồng nên không xem xét.

Các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Khoảng 09 giờ ngày 28 tháng 6 năm 2019, tại trước số nhà K62/15 đường T, phường Đ, quận K, thành phố Đà Nẵng, T và D đã trộm cắp của chị D2 01 chiếc ví da bên trong có số tiền 5.700.000 đồng. Tổng giá trị tài sản mà T và D trộm cắp là 5.750.000đ (Năm triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng).

[2] Hành vi của T và D là lợi dụng sơ hở của người khác và có hành vi lén lút nhằm chiếm đoạt tài sản của người khác để có tiền tiêu xài cá nhân nên cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Do vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê truy tố đối với các bị cáo là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất và mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội:

Hành vi chiếm đoạt tài sản của các bị cáo xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Các bị cáo là người trưởng thành, đang trong độ tuổi lao động và đầy đủ sức khỏe để lao động thu nhập được những đồng lương chân chính nhưng vì không kiềm chế được lòng tham nhất thời của mình đã lợi dụng sơ hở của người khác để chiếm đoạt tài sản của họ. Hội đồng xét xử thấy phải quyết định một hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của từng bị cáo, nhằm mục đích răn đe, giáo dục.

[4] Xét hành vi của từng bị cáo trong vụ án thì thấy:

Các bị cáo phạm tội thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn, T và D khi đi cùng nhau thấy chiếc ví, T là người khởi xướng và cùng nhau thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. T là người trực tiếp lấy còn D đứng che để T lấy ví nên tính chất mà mức độ phạm tội của các bị cáo là như nhau.

[5] Xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Đối với bị cáo T khi phạm tội bị cáo là phụ nữ đang mang thai, bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; trong quá trình giải quyết vụ án bị cáo đã trả lại một phần tài sản chiếm đoạt cho người bị hại, bị cáo phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn, tại phiên tòa hôm nay bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và người bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng điểm h, i, n, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo. Bản thân bị cáo có lý lịch, có nơi cư trú rõ ràng, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội của bị cáo giản đơn nên HĐXX thấy không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội mà cân nhắc cho bị cáo được áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự để được hưởng án treo, nhằm thể hiện sự khoan hồng của pháp luật, tạo điều kiện cho bị cáo được lao động, tự cải tạo.

Đối với bị cáo D, bị cáo có nhân thân xấu, đã từng bị xử phạt 02 năm tù về tội “Cướp giật tài sản” nhưng bị cáo vẫn không thấy được sự răn đe của pháp luật nên cần phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhằm mục đích giáo dục riêng và phòng ngừa chung. Tuy nhiên, quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn. Ngoài ra người bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[6] Về xử lý vật chứng:

- Đối với xe xe mô tô BKS 92N5-2408, số máy VPJL1P53FMH -016503 chưa xác định được chủ sở hữu (hiện đang được bảo quản tại kho vật chứng Công an quận Thanh Khê) cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Thanh Khê tiếp tục điều tra làm rõ nên HĐXX không đề cập giải quyết.

- Đối với 01 điện thoại di động có vỏ nhựa màu đen loại bàn phím số có số Imei 863304323074882 (bị hỏng màn hình) của T không liên quan đến việc phạm tội nên cần trả lại cho bị cáo theo điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự nhưng cần tiếp tục quy trữ để đảm bảo thi hành án.

[7] Trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa, tuy vắng mặt nhưng người bị hại có đơn xin xét xử vắng mặt và không yêu cầu T, D bồi thường số tiền 2.000.000 đồng nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[8] Án phí hình sự sơ thẩm: Mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ.

[9] Xét các đề nghị của vị đại diện Viện Kiểm Sát tại phiên tòa hôm nay là phù hợp pháp luật.

[10] Các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử là hợp pháp, đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục pháp luật quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

I. Tuyên bố các bị cáo T và D phạm tội “Trộm cắp tài sản”

1. Áp dụng: Khoản 1 Điều 173; điểm h, i, n, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự;

Xử phạt: Bị cáo T 06 (sáu) tháng tù; nhưng cho hưởng án treo; thời gian thử thách là 12 (mười hai) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm ngày 28 tháng 11 năm 2019.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Giao bị cáo T cho Ủy ban nhân dân phường Nại Hiên Đông, quận Sơn Trà, TP Đà Nẵng giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì được thực hiện theo quy định tại Khoản 1 Điều 69 của Luật Thi hành án hình sự.

2. Áp dụng: Khoản 1 Điều 173; điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự;

Xử phạt: Bị cáo D 06 (sáu) tháng tù; thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

II. Án phí hình sự sơ thẩm:

Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Các bị cáo T và D mỗi bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm là 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng).

III. Người tham gia tố tụng có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người tham gia tố tụng vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại các điều 6,7 và điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi Hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê;
- Viện kiểm sát nhân dân TP Đà Nẵng;
- Công an quận Thanh Khê;
- Chi cục THADS quận Thanh Khê;
- Cơ quan THAHS quận Thanh Khê;
- Trại tạm giam Công an TP Đà Nẵng;
- Lưu hồ sơ vụ án

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Phạm Thị Ngọc Hà